

DANH MỤC
Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học - Môn Tiếng Việt
(Kèm theo Thông tư ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học)

TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
A	Tranh ảnh								
I	Chủ đề 1: Tập viết								
1		Bộ mẫu chữ viết	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu chữ viết để viết cho đúng, đẹp.	<p>a) Bộ mẫu chữ viết quy định trong trường tiểu học được phóng to, in 2 màu. Gồm 8 tờ, kích thước (540x790)mm, dung sai 10mm, in trên giấy couche, định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 tờ in bảng chữ cái viết thường, dấu thanh và chữ số; - 4 tờ in bảng chữ cái viết hoa. <p>b) Mẫu chữ cái viết thường và chữ cái viết hoa đều được thể hiện ở 4 dạng: Chữ viết đứng, nét đều; chữ viết đứng, nét thanh, nét đậm; chữ viết nghiêng (15°), nét đều; chữ viết nghiêng, nét thanh, nét đậm.</p>	x	x	Bộ	01/lớp	Dùng cho lớp 1, 2
2		Bộ chữ dạy tập viết	Giúp học sinh thực hành quan sát mẫu chữ để hình thành biểu tượng về chữ cái, nhận biết các nét cơ bản và quy trình viết một chữ cái trước khi thực hành luyện tập bằng nhiều hình thức khác nhau.	<p>Bộ mẫu chữ viết quy định trong trường tiểu học được phóng to, in 2 màu. Gồm 39 tờ, kích thước (210x290)mm, dung sai 10mm, in từng chữ cái, chữ số trên giấy couche, định lượng 200g/m², cán láng OPP mờ. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 29 tờ in các chữ cái tiếng Việt (một mặt in chữ cái viết thường, một mặt in chữ cái viết hoa kiểu 1); - 5 tờ in chữ số kiểu 1 (gồm 10 chữ số từ 0 đến 9, in ở hai mặt); - 5 tờ một mặt in chữ cái viết hoa kiểu 2, một mặt in chữ số kiểu 2. 	x		Bộ	01/GV	Dùng cho lớp 1, 2

TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
II	Chủ đề 2: Học vần								
1		Bộ thẻ chữ học vần thực hành	Giúp học sinh thực hành ghép vần, ghép tiếng, từ khoá, từ ngữ ứng dụng và thực hành vận dụng sáng tạo (ghép tiếng, từ mở rộng).	Bộ mẫu chữ viết quy định trong trường tiểu học được phóng to, in 2 màu. Bao gồm: - 80 thẻ chữ, kích thước (20x60)mm, in 29 chữ cái tiếng Việt (Font chữ Vnavant, cỡ 72, kiểu chữ đậm), in màu trên nhựa, gỗ (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng; trong đó: d, đ, k, p, q, r, s, v, x, y (mỗi chữ cái có 2 thẻ); a, ă, â, b, c, e, ê, g, i, l, n, o, ô, ơ, u, w (mỗi chữ cái có 3 thẻ); h, m, t (mỗi chữ cái có 4 thẻ); - 12 thẻ dấu ghi thanh, in màu trên mảnh nhựa trong, dùng để cài lên thẻ chữ; trong đó: hỏi, ngã, nặng (mỗi dấu có 2 mảnh), huyền, sắc (mỗi dấu có 3 mảnh). <i>(Ghi chú: Các thẻ chữ có thể sử dụng với thanh cài hoặc bảng cá nhân có từ tính. Bảng cá nhân học sinh có 2 mặt, một mặt có thể viết phấn, một mặt có từ tính và viết được bút dạ.)</i>		x	Bộ	01/HS	Dùng cho lớp 1
2		Bộ chữ học vần biểu diễn	Hướng dẫn quá trình học tập âm vần mới bằng trực quan sinh động, hấp dẫn.	Bộ mẫu chữ viết quy định trong trường tiểu học. Bao gồm: - 97 thẻ chữ, kích thước (60x90)mm, in 29 chữ cái tiếng Việt (Font chữ Vnavant, cỡ 150), in đậm trên giấy couche, định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ: b, d, đ, e, l, ơ, r, s, v, x (mỗi chữ cái có 2 thẻ); ă, â, q (mỗi chữ cái có 3 thẻ); a, c, ê, g, i, k, m, o, ô, p, u, w, y (mỗi chữ cái có 4 thẻ); n, t (mỗi chữ cái có 5 thẻ); h (6 thẻ);	x		Bộ	01/GV	Dùng cho lớp 1

TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú																																							
					GV	HS																																										
				- Dấu ghi thanh (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng); dấu câu (<i>dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi</i>); in trên mảnh nhựa trong để cài lên thẻ chữ; mỗi dấu có 2 mảnh; - Các thẻ được in 2 mặt (chữ màu đỏ), một mặt in chữ cái thường, mặt sau in chữ cái hoa tương ứng; - Bảng phụ có 6 thanh nẹp để gắn chữ (6 dòng), kích thước (1.000x900)mm (<i>hoặc bảng có từ tính để gắn thẻ chữ có nam châm</i>).																																												
III	Chủ đề 3: Chính tả																																															
1	Tên chữ cái tiếng Việt	Bảng tên chữ cái tiếng Việt	Giúp học sinh thuộc tên chữ cái tiếng Việt.	Bảng ghi tên chữ cái tiếng Việt in 2 màu, 1 tờ kích thước (540x790)mm, dung sai 10mm, in trên giấy couche, định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Thiết kế 3 cột như sau: <table><tr><th>TT</th><th>Chữ cái</th><th>Tên chữ cái</th></tr><tr><td>1</td><td>a</td><td>a</td></tr><tr><td>2</td><td>ă</td><td>á</td></tr><tr><td>3</td><td>â</td><td>ớ</td></tr><tr><td>4</td><td>b</td><td>bê</td></tr><tr><td>5</td><td>c</td><td>xê</td></tr><tr><td>6</td><td>d</td><td>dê</td></tr><tr><td>7</td><td>đ</td><td>đê</td></tr><tr><td>8</td><td>e</td><td>e</td></tr><tr><td>9</td><td>ê</td><td>ê</td></tr><tr><td>10</td><td>g</td><td>giê</td></tr><tr><td>11</td><td>h</td><td>hát</td></tr><tr><td>12</td><td>i</td><td>i</td></tr></table>	TT	Chữ cái	Tên chữ cái	1	a	a	2	ă	á	3	â	ớ	4	b	bê	5	c	xê	6	d	dê	7	đ	đê	8	e	e	9	ê	ê	10	g	giê	11	h	hát	12	i	i	x	x	Bộ	02/lớp	Dùng cho lớp 2, 3
TT	Chữ cái	Tên chữ cái																																														
1	a	a																																														
2	ă	á																																														
3	â	ớ																																														
4	b	bê																																														
5	c	xê																																														
6	d	dê																																														
7	đ	đê																																														
8	e	e																																														
9	ê	ê																																														
10	g	giê																																														
11	h	hát																																														
12	i	i																																														

TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết thiết bị dạy học			Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
							GV	HS			
				13	k	ca					
				14	l	e-lờ					
				15	m	em-mờ					
				16	n	en-nờ					
				17	o	o					
				18	ô	ô					
				19	ơ	ơ					
				20	p	pê					
				21	q	quy					
				22	r	e-rờ					
				23	s	ét-sì					
				24	t	tê					
				25	u	u					
				26	ư	ư					
				27	v	vê					
				28	x	ích-xì					
				29	y	i dài					
B	VIDEO/ CLIP										
I	Chủ đề 1. Tập viết										
1		Video dạy viết các chữ viết thường cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu các nét chữ viết để viết cho đúng, đẹp, kích thích hứng thú	Video có nội dung dạy viết các chữ viết thường cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt kèm âm thanh hướng dẫn cách xác định độ cao, độ rộng cách chấm các điểm tọa độ từng chữ (điểm đặt bút, các điểm chuyển bút, điểm dừng bút).			x		Bộ	01/GV	Dùng cho lớp 1, 2

TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
		kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	luyện viết chữ đẹp của học sinh.	<i>Lưu ý: Kích cỡ dòng kẻ và chữ viết theo quy định chung của bộ mẫu chữ cái viết thường.</i>					
2		Video dạy viết các chữ viết hoa cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt (2 kiểu: chữ đứng, chữ nghiêng)	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu các nét chữ viết để viết cho đúng, đẹp, kích thích hứng thú luyện viết chữ đẹp của học sinh.	Video có nội dung dạy viết các chữ viết hoa cỡ nhỏ theo bảng chữ cái tiếng Việt kèm âm thanh hướng dẫn cách xác định độ cao, độ rộng cách chấm các điểm tọa độ từng chữ (điểm đặt bút, các điểm chuyển bút, điểm dừng bút). <i>Lưu ý: Kích cỡ dòng kẻ và chữ theo quy định chung của bộ mẫu chữ cái viết hoa.</i>	x		Bộ	01/GV	Dùng cho lớp 1, 2, 3
II Chủ đề 2: Viết đoạn văn, bài văn									
1		Video giới thiệu, tả đồ vật	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của đồ vật phục vụ cho hoạt động nói, viết đoạn văn giới thiệu, miêu tả đồ vật.	Video/clip có nội dung về hình dáng, màu sắc, chất liệu, hoạt động của một số đồ vật quen thuộc trong đời sống, phù hợp với HS tiểu học.	x		Bộ	01/GV	Dùng cho lớp 2, 3
2		Video tả con vật, cây cối	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của con vật, cây cối để nói, viết đoạn văn/ bài văn miêu tả.	- Video/clip có nội dung về hình dáng, hoạt động của một số con vật nuôi, con vật hoang dã (sống trong rừng, sống ở sông/ biển); - Video/clip có nội dung về đặc điểm của một số loài cây có trong tự nhiên (cây có hoa, cây bóng mát, cây ăn quả).	x		Bộ	01/GV	Dùng cho lớp 4
3		Video tả người, tả cảnh	Minh họa, giúp HS quan sát, tìm hiểu các đặc điểm của người, của phong cảnh để viết bài văn miêu tả.	- Video/clip có nội dung về hình dáng, hoạt động của con người ở các độ tuổi, nghề nghiệp và công việc khác nhau;	x		Bộ	01/GV	Dùng cho lớp 5

TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
					GV	HS			
				- Video/clip có nội dung về một số cảnh đẹp tiêu biểu ở các vùng, miền (biển, rừng núi, đồng bằng, miền Bắc, miền Trung, miền Nam).					

Ghi chú:

- Giáo viên có thể khai thác các thiết bị, tranh ảnh, tư liệu khác phục vụ cho môn học;
- Các tranh/ảnh dùng cho giáo viên có thể thay thế bằng tranh/ảnh điện tử hoặc phần mềm mô phỏng ở những nơi có điều kiện;
- Đối với tranh có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng A4 (210x290)mm, có thể in trên chất liệu nhựa PP (Polypropylen);
- Đối với các thiết bị được tính cho đơn vị “trường”, “lớp”, căn cứ thực tế của các trường về: số điểm trường, số lớp, số HS/lớp để tính toán số lượng trang bị cho phù hợp, đảm bảo đủ thiết bị cho các điểm trường;
- Các video/clip trong danh mục có thời lượng không quá 03 phút, độ phân giải HD (tối thiểu 1280x720), hình ảnh và âm thanh rõ nét, có thuyết minh (hoặc phụ đề) bằng tiếng Việt;
- Ngoài danh mục thiết bị như trên, giáo viên có thể sử dụng thiết bị dạy học của môn học khác và thiết bị dạy học tự làm;
- Các từ viết tắt trong danh mục:
 - + HS: Học sinh;
 - + GV: Giáo viên.